

Bản án số: 344/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 7 – 2019
V/v Ly hôn CP – Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Khắc Chung;

Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến là thư ký Tòa án nhân dân huyện CP

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Phạm Thị CP, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 21, ấp VB, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 02, tổ 06, ấp BH, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 2 năm 2019 và lời khai của nguyên đơn chị Phạm Thị CP trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành Đ kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và gia đình chồng không hòa hợp, chị hay cãi nhau với chị chồng. Anh Đ cũng biết việc này, anh Đ thường hay uống rượu bỏ bê vợ con, vợ chồng thường hay cãi vã, sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Từ khi ly thân chị về nhà cha mẹ ruột sống nhưng anh Đ không đến thăm chị và con lần nào. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị P và anh Đ có một con chung Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2012 chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nhưng anh Đ không được thăm con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị CP và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung.

Từ khai ngày 04 tháng 6 năm 2019 bị đơn anh Nguyễn Thành Đ trình bày: Anh thống nhất thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, con chung như chị CP trình bày. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị CP. Con chung giao cho chị CP tiếp tục nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng. Anh Đ và Chị CP không có tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, chị CP giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ. Con chung yêu cầu tiếp tục nuôi, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Thành Đ có hộ khẩu thường trú tại xã BL, huyện CP. Chị CP khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn anh Đ được Tòa án nhân dân huyện CP tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị CP và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BL, huyện CP nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên hòa giải ngày 04/6/2019, anh Đ và chị CP thống nhất: Anh Đ và chị CP thuận tình ly hôn. Con chung Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2012 giao cho chị CP tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung thành niên và lao động được. Anh Đ và chị CP thống nhất không có tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, chị CP không thống nhất cho anh Đ được quyền thăm con chung.

Anh Đ và chị CP thỏa thuận tình ly hôn, con chung và cấp dưỡng nuôi con, không có tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được công nhận.

Tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*”. Do đó, chị CP và các thành viên gia đình phải có nghĩa vụ tạo điều kiện cho anh Đ đến thăm nom con chung.

[3] Về án phí:

Chị CP phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị CP.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thành Đ và chị Phạm Thị CP.

Về con chung: Chị Phạm Thị CP được trực tiếp nuôi cháu Phạm Thành Đ, sinh năm 2012. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu đồng) từ tháng 8 năm 2019 đến khi cháu Đạt thành niên và lao động được. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không có định.

Chị CP và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông Đ đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị CP phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001160 ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP. Chị CP không còn phải nộp thêm án phí.

Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Chị CP có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- UBND xã BL;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ